

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH**
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:/2024/DS-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Vũ Minh Trang

Các hội thẩm dân nhân: Ông Đào Đức Phú và ông Bùi Quang Hợi

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Vân Thanh - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Ông Trần Mạnh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-DS ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1955; có mặt

HKTT: đường T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Bị đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1962; vắng mặt

HKTT: Xóm N, khu D, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết qua quá trình giao dịch làm ăn, ông Q đã nhiều lần bán than đốt cho bà Ngô Thị B, sinh năm 1962, địa chỉ: Ngã tư D, khu D, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Hai bên không thỏa thuận gì về phương thức thanh toán. Thông thường, sau mỗi lần mua hàng thì bà B đều thanh toán ngay. Tuy nhiên có một số lần do những lí do khác nhau mà bà B chưa trả được tiền hàng thì ông Q tạo điều kiện cho bà nợ để thanh toán dần. Những lần mua bán hàng hóa là cả hai trực tiếp giao dịch, trực tiếp giao nhận hàng và kí sổ công nợ, không có người thứ ba chứng kiến. Hai bên cũng không thỏa thuận gì về thời hạn trả nợ và lãi suất khi chậm trả. Ngoài cuốn sổ ghi nợ của ông Q, hai bên không ghi nhận nợ dưới bất kỳ hình thức nào khác. Tùy vào các lần thanh toán, bà B khi thì đưa tiền mặt, khi thì chuyển khoản.

Đến ngày 30/12/2022, ông Q, bà B đã chốt công nợ với nhau. Hai bên cùng đồng ý số tiền hàng còn lại mà bà B phải trả cho ông là 14.400.000 đồng, có chữ kí xác nhận của bà B trên sổ ghi nợ của ông Q.

Kể từ ngày 30/12/2022, bà B chỉ trả thêm cho ông 01 lần vào ngày 19/7/2023, số tiền là 2.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản. Từ đó đến nay bà B không thực hiện thêm nghĩa vụ trả nợ. Ông Q đã nhiều lần tìm tới nhà của bà B để

đòi tiền, đồng thời nhắn tin, gọi điện yêu cầu bà phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà B nói là hiện tại không có tiền nên không trả nợ được. Bà B cũng có thái độ không hợp tác, không có thiện chí trả nợ cho ông.

Ông Q xác nhận tổng số tiền mà bà Ngô Thị B còn phải trả cho ông là **12.400.000 (Mười hai triệu bốn trăm nghìn) đồng**. Đề nghị Tòa án buộc bà Ngô Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm một lần. Ông tự nguyện không yêu cầu về lãi suất. Đối với ông Dương Ngọc H là chồng của bà B, ông Q xác nhận ông H không liên quan tới giao dịch mua bán hàng hóa và công nợ của bà B. Mọi giao dịch và các vấn đề liên quan tới hàng, tiền, chi phí nợ nần, từ trước tới nay ông Q và bà B đều làm việc trực tiếp với nhau. Do đó, ông không yêu cầu ông H phải trả nợ cho ông.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Q đã cung cấp bản sao sổ ghi chép công nợ, có chữ viết tay của ông và chữ ký xác nhận của bà B.

Bị đơn bà Ngô Thị B vắng mặt tại phiên toà. Theo biên bản lấy lời khai, bà Ngô Thị B trình bày:

Bà xác nhận có sự việc nợ tiền hàng như ông Q đã trình bày, số tiền bà còn nợ ông Q là 12.400.000 đồng. Tuy nhiên bà không thừa nhận việc trốn tránh nghĩa vụ thanh toán mà trên thực tế bà vẫn trả nợ cho ông Q, cụ thể vào ngày 19/7/2023 bà đã chuyển khoản trả ông Q 2.000.000 đồng. Do vậy, bà không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Q.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân thành phố Bắc Ninh phát biểu quan điểm tại phiên toà:

- Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc Q số tiền là 12.400.000 đồng;

- Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bà Ngô Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1] Về tố tụng:

- Tranh chấp giữa ông Nguyễn Ngọc Q và bà Ngô Thị B là tranh chấp kiện đòi tài sản, thuộc quy định tại khoản 2, Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cho đến nay chưa thay đổi địa chỉ sinh sống, làm việc. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về thời hiệu khởi kiện: Tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Việc giao dịch mua bán hàng hoá giữa ông Q và bà B không được lập thành hợp đồng. Tuy nhiên, xét sổ ghi chép công nợ do ông Nguyễn Ngọc Q cung cấp thì thấy:

Tại sổ ghi chép có các nội dung bao gồm những lần bà B nhập mặt hàng là than đốt, thời gian lấy hàng kéo dài từ tháng 12/2009 đến tháng 6/2010; các lần trả tiền kéo dài từ tháng 01/2010 đến tháng 7/2023. Chữ viết tay trong sổ là của ông Nguyễn Ngọc Q và bà Ngô Thị B thay nhau viết, tùy vào từng lần giao nhận hàng, có chữ kí xác nhận công nợ, xác nhận các lần trả nợ của bà Ngô Thị B. Trong sổ ghi chép từ tháng 12/2009 đến tháng 7/2023 có chữ viết của ông Q và chữ kí của bà B với các nội dung “nhập than”, “Trả tiền nợ than”, “Trừ than xấu”...; Tại các biên bản lấy lời khai và các buổi làm việc tại Tòa án, cả ông Q và bà B đều xác nhận có việc mua bán hàng hoá với mặt hàng là than đốt, đồng thời thống nhất số tiền công nợ bà B còn phải thanh toán cho ông Q là 12.400.000 đồng. Vì vậy có cơ sở xem xét giữa ông Q, bà B có giao dịch mua bán hàng hoá theo Điều 430 Bộ luật dân sự. Việc ông Q khởi kiện buộc bà B phải thanh toán cho ông công nợ còn lại là 12.400.000 đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

Theo nguyên đơn, sau khi hai bên cùng xác nhận công nợ vào ngày 30/12/2022, bà B chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông thêm 01 lần vào ngày 19/7/2023 với số tiền là 2.000.000 đồng. Sau đó, ông Q đã nhiều lần yêu cầu bà B thu xếp thanh toán nốt số tiền 12.400.000 còn lại bằng cách gọi điện và tìm tới nhà nhưng bà B không chịu trả tiền cho ông. Nay ông Q yêu cầu bà B trả số tiền hàng còn lại là 12.400.000 (Mười hai triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ông không yêu cầu về lãi suất. Về lộ trình trả nợ: Yêu cầu trả làm một lần.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, do vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc bà Ngô Thị B phải trả tiền cho ông Nguyễn Ngọc Q.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Việc vắng mặt này được coi như từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Xét thấy bị đơn là người trên 60 tuổi nên căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy bị đơn có đủ điều kiện được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 164, 166, 274, 275 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc Q.

- Buộc bà Ngô Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc Q số tiền là **12.400.000 (Mười hai triệu bốn trăm nghìn) đồng.**

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bà Ngô Thị B phải trả tiền lãi đối với khoản tiền chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Ngô Thị B.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP. Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ: Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Vũ Minh Trang

